

Thứ tư, ngày 11 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/11/2020		•	
Tuần 9/11-13/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên giằng co và có lúc đã trượt xuống dưới ngưỡng 950 nhưng đã bật lại vào cuối phiên và đóng cửa với mức tăng nhẹ. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy giảm khi chỉ còn 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường suy giảm so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực cho thấy áp lực chốt lời hiện đang tăng dần. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ điều chỉnh về khu vực 940-950 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2011, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_2.2%

Phân tích kỹ thuật: PTB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.32** điểm, đóng cửa **952.22**. HNX-Index **+0.45** điểm, đóng cửa **141.82**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.36)**; **GAS (+0.59)**; **GVR (+0.4)**; **MWG (+0.26)**; **APH (+0.2)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.36)**; **HVN (-0.21)**; **PDR (-0.12)**; **BHN (-0.12)**; **PNJ (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,916 tỷ đồng, -17.14% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.04 điểm. Thị trường có **179** mã tăng, 82 mã tham chiếu và **226** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-593.7** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-127.9 tỷ)**, **HPG (-105.5 tỷ)** và **VNM (-80.6 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.08** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **952.22**
Giá trị: 6916.23 tỷ **0.32 (0.03%)**
Khối ngoại (ròng): -593,70 tỷ

HNX-INDEX **141.82**
Giá trị: 480.7 tỷ **0.45 (0.32%)**
Khối ngoại (ròng): 9.08 tỷ

UPCOM-INDEX **65.03**
Giá trị: 0.28 tỷ **0.87 (1.36%)**
Khối ngoại (ròng): -3.71 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	42.4	2.54%
Giá vàng	1,877	0.00%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,402	0.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,971	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	35.27%
LS TPCP 5 năm	1.4%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SG	30.1	MSN	127.9
VRE	29.3	HPG	105.5
PHR	18.4	VNM	80.6
VJC	18.2	MBB	63.0
IMP	8.9	CTG	49.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_2.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	18/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	2.2%	5.2%	7.1%	0.8%	13.4%	-13.3%	37.9%
Xây dựng	1.3%	3.7%	7.8%	5.4%	29.2%	19.5%	29.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.3%	5.2%	10.3%	8.6%	30.8%	31.8%	28.5%
Corona Avengers	0.6%	5.5%	9.4%	7.1%	25.1%	20.6%	33.5%
EVFTA	0.6%	3.9%	7.4%	5.2%	6.3%	6.3%	19.6%
Chiến tranh thương mại	0.5%	3.7%	6.7%	8.0%	32.7%	14.8%	30.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	2.4%	3.9%	2.6%	22.2%	24.8%	21.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.5%	1.8%	3.2%	6.3%	25.1%	5.8%	29.2%
Đầu tư công	0.4%	4.9%	8.2%	6.5%	33.1%	25.5%	25.1%
VN Diamond	0.3%	1.6%	3.1%	4.9%	20.7%	-0.7%	30.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.3%	1.6%	3.2%	1.8%	17.3%	3.8%	24.3%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	2.5%	3.6%	4.5%	19.4%	9.3%	20.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	3.7%	6.8%	10.2%	29.6%	21.7%	30.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	1.1%	2.8%	6.9%	23.5%	-0.9%	31.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	2.0%	3.1%	9.1%	27.5%	13.3%	26.7%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	3.1%	3.5%	6.5%	27.8%	24.8%	27.9%
Nước & Năng lượng	0.1%	1.8%	2.9%	-0.7%	15.2%	3.6%	25.0%
VN FinSelect	0.1%	1.5%	3.1%	3.0%	16.6%	4.0%	29.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	1.2%	2.8%	2.5%	16.7%	3.8%	30.8%
Ngân Hàng	0.0%	0.8%	2.8%	6.8%	29.1%	17.9%	32.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	1.6%	2.6%	8.8%	18.8%	2.9%	24.5%
FTSE Việt Nam	-0.2%	0.9%	1.0%	5.4%	15.1%	2.7%	24.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	0.2%	1.3%	4.0%	20.0%	5.2%	27.1%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	2.1%	7.7%	14.7%	35.6%	24.4%	28.5%
Lãi suất giảm	-0.7%	3.5%	10.3%	8.2%	33.4%	29.3%	31.6%
Stay-at-home	-1.4%	1.9%	8.5%	6.5%	28.8%	34.7%	32.5%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	0.7%	2.3%	4.1%	6.8%	26.7%	10.0%	29.9%
L11	0.4%	1.3%	1.9%	2.9%	18.8%	5.5%	23.9%
S21	0.3%	2.5%	4.0%	5.3%	27.5%	10.2%	27.1%
S32	0.3%	2.9%	6.0%	10.8%	29.3%	4.7%	33.0%
L22	0.1%	1.0%	2.8%	3.3%	23.4%	4.7%	27.2%
M22	0.1%	1.6%	3.0%	4.7%	19.1%	12.8%	25.4%
M12	-0.2%	1.0%	2.9%	6.0%	18.7%	5.8%	25.1%
S11	-0.2%	2.0%	4.5%	8.3%	27.2%	26.3%	25.2%
L32	-0.2%	1.9%	3.8%	12.4%	28.9%	4.1%	30.2%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.6%	2.6%	3.9%	7.9%	24.8%	8.3%	28.0%
MID1	-0.3%	1.4%	3.9%	6.1%	27.4%	22.9%	25.0%
LOW1	-0.4%	0.5%	2.0%	3.0%	14.8%	3.0%	25.0%

INDEX							
VNINDEX	0.0%	1.5%	2.9%	5.2%	15.4%	-0.9%	23.9%
VN30INDEX	0.0%	1.5%	2.7%	6.8%	19.0%	4.3%	25.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	18	8	20	6	19	7
Mục tiêu	9	6	3	6	3	7	2
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.82	1.11%	6.80%	5.30%	-21.95%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.03	0.96%	6.80%	4.30%	-24.20%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	120.30	0.75%	8.60%	4.40%	-19.33%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1880.85	0.19%	-1.20%	-2.20%	29.24%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.39	0.64%	2.00%	-2.80%	44.40%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1157.00	0.96%	6.50%	11.60%	20.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	611.00	0.41%	0.80%	2.80%	11.34%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.11	1.51%	-0.30%	10.80%	16.24%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	209.48	4.74%	4.20%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.68	-1.34%	-0.30%	3.20%	8.10%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.00	0.41%	3.70%	-3.30%	-8.94%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6932.00	0.23%	1.70%	2.50%	18.11%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	583.24	0.27%	3.90%	8.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	599.92	0.12%	2.80%	6.80%			
Nhôm	USD/ton	1908.00	0.77%	0.10%	3.60%	7.31%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	126.57	0.88%	6.30%	3.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.25	0.40%	1.40%	2.60%	-15.54%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 1.21 USD hay 2.9% lên 43.61 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 1.07 USD hay 2.7% lên 41.36 USD/thùng.
- Giám đốc Viện Dị ứng và Bệnh truyền nhiễm Quốc gia Mỹ cho biết vắc-xin sẽ được cung cấp cho những người được ưu tiên nhất ngay trong tháng 12 tới. Tuy nhiên, việc triển khai tiêm vắc-xin đại trà có thể còn mất vài tháng nữa và phải tuân theo các phê duyệt của cơ quan quản lý.
- Giá dầu phiên vừa qua cũng được thúc đẩy bởi những bình luận từ Bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia rằng OPEC+ có thể điều chỉnh hiệp ước nguồn cung nếu nhu cầu giảm trước khi vaccine sẵn sàng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,875.7 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 1.2% lên 1,876.40 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1.7% lên 826 CNY (124.91 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.3% xuống 3,826 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.9% xuống 3,933 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc tiếp tục tăng trong phiên thứ 3 liên tiếp, do lợi nhuận tăng mạnh giúp các nhà sản xuất thép mua nguyên liệu thô này ngay cả khi giá tăng lên mức cao nhất 2 tháng

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka giảm 4.8 JPY hay 2.23% xuống 210.6 JPY/kg.Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 3.1% xuống 13,920 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 0.45 US cent hay 0.43% lên 1.0730 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London tăng 19 USD hay 1.4% lên 1,366 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.2 US cent hay 1.34% xuống 14.68 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London giảm 1.5 USD hay 0.38% xuống 398.9 USD/tấn.

	11/11	% 11/11	10/11	% 10/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	952.22	0.03%	951.90	-0.01%	1.33%	2.85%
S&P 500			3545.53	-0.14%	5.23%	1.97%
HĐTL S&P500	3553.00	0.34%	3541.00	-0.08%	3.44%	0.57%
Shang- hai	3342.20	-0.53%	3360.15	-0.40%	1.98%	-0.48%
Euro Stoxx	3444.09	0.04%	3442.62	1.02%	8.95%	4.43%

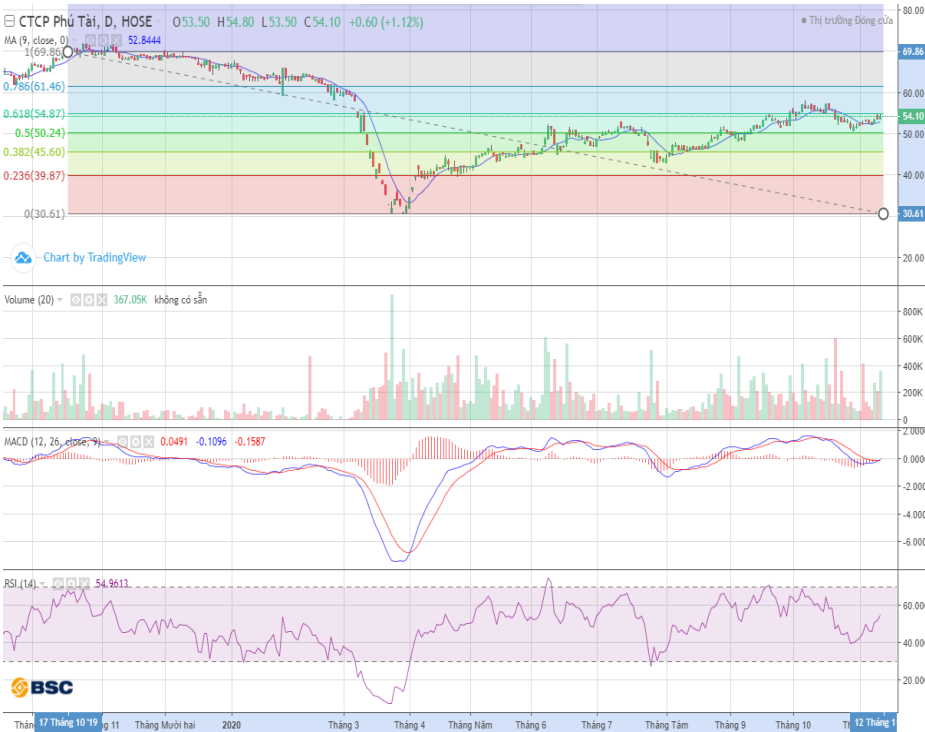
Phân tích kỹ thuật

PTB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD vượt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PTB đang nằm trong xu hướng hồi phục sau nhịp điều chỉnh xuống gần ngưỡng hỗ trợ 50.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ nhịp hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu có thể mở vị thế cổ phiếu quanh ngưỡng giá 54.0 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận vùng 69-70, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 50.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

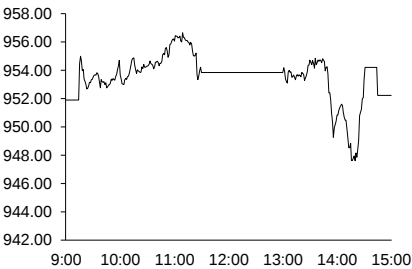
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-0.56%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.50%
Bất động sản	-0.34%
Truyền thông	-0.28%
Ô tô và phụ tùng	-0.21%
Dịch vụ tài chính	-0.19%
Bảo hiểm	-0.19%
Thực phẩm và đồ uống	-0.11%
Ngân hàng	-0.06%
Công nghệ Thông tin	0.00%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.04%
Xây dựng và Vật liệu	0.38%
Dầu khí	0.73%
Tài nguyên Cơ bản	0.74%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.78%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.85%
Bán lẻ	1.64%
Hóa chất	1.80%

Hình 1

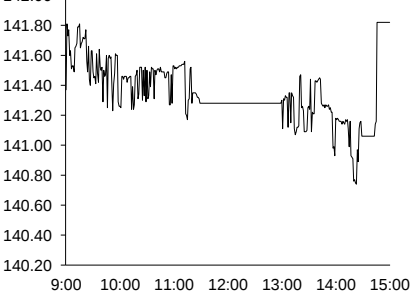
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/10/2020	PVS	14.3	16	13.5	15	1	4.90%	Có thể tiếp tục mua
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	13.4	2	0.75%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	12.75	5	1.19%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	24.6	6	4.90%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	16.3	8	5.16%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	24.8	9	1.22%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	108	12	3.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/29/2020	IMP	49	58	46	53.3	13	8.78%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	38.9	14	-1.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.4	15	0.41%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	25.6	20	4.07%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	50.7	21	10.22%	Cần nhắc không mua thêm (**)
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53	26	-0.38%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.8	41	3.27%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.5	43	-1.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.4	47	0.44%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	12.05	50	5.24%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14	51	1.08%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	54.1	55	1.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.45	58	3.62%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.8	61	2.90%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	25.25	62	6.09%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24	76	-5.51%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.8	93	0.90%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.55	140	22.35%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.6	148	2.27%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

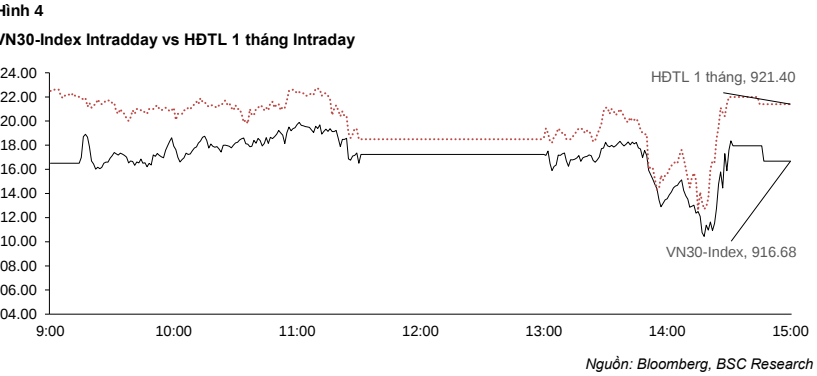
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%

Chú thích:
 Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	22	4	4.29%	-2.22%	3.29%	41
Cổ phiếu đã chốt	50	35	12.23%	-7.57%	4.08%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	921.40	0.04%	4.72	7.6%	140,162	11/19/2020	10
VN30F2012	916.40	-0.60%	-0.28	16.0%	617	12/17/2020	38
VN30F2103	920.20	-0.09%	3.52	100.0%	92	3/18/2021	129
VN30F2106	917.20	-0.19%	0.52	86.8%	71	6/17/2021	220

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +0.18 điểm, lên 916.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, HDB, VHM, TCB tác động mạnh đến vận động tích lũy của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giăng co quanh 915-920 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 915-925 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2011, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2010	1/14/2021	64	10:1	520,590	41.90%	1,400	2,830	4.43%	2,705	1.05	94,672	80,865	108,000
CMWG2012	2/8/2021	89	5:1	250,660	41.90%	4,390	6,270	1.95%	5,894	1.06	100,539	78,893	108,000
CHPG2010	4/5/2021	145	4:1	654,490	37.37%	1,800	2,080	0.97%	609	3.42	40,300	33,100	31,300
CHPG2002	12/16/2020	35	20:1	299,290	37.37%	1,700	4,290	0.47%	1,122	3.82	33,399	29,999	31,300
CHPG2021	4/1/2021	141	2:1	314,680	37.37%	2,400	3,900	0.00%	3,621	1.08	29,800	25,000	31,300
CHPG2019	12/18/2020	37	8:1	200,270	37.37%	1,630	3,610	-1.10%	3,665	0.98	27,360	24,100	31,300
CVHM2008	6/11/2021	212	10:1	1,046,260	38.20%	1,400	880	-1.12%	530	1.66	102,888	88,888	76,600
CHPG2016	1/14/2021	64	2:1	367,200	37.37%	2,200	5,580	-1.41%	2,252	2.48	31,900	27,500	31,300
CHPG2022	5/4/2021	174	2:1	713,010	37.37%	2,100	3,400	-1.45%	3,016	1.13	31,200	27,000	31,300
CSTB2010	6/11/2021	212	5:1	471,080	44.90%	1,100	1,610	-2.42%	1,423	1.13	14,199	11,999	13,600
CHPG2015	3/1/2021	110	1:1	78,910	37.37%	6,700	12,650	-3.14%	5,784	2.19	33,200	26,500	31,300
CVNM2008	1/14/2021	64	10:1	585,090	31.76%	1,800	2,090	-3.24%	348	6.00	108,285	93,519	107,500
CVNM2013	4/1/2021	141	10:1	717,800	31.76%	1,900	1,480	-3.90%	1,121	1.32	123,000	104,000	107,500
CVNM2011	6/11/2021	212	20:1	927,440	31.76%	1,100	950	-5.00%	178	5.32	127,438	109,387	107,500
CHPG2014	4/19/2021	159	1:1	87,670	37.37%	7,200	13,140	-6.14%	6,247	2.10	33,700	26,500	31,300
CSTB2004	11/30/2020	19	4:1	526,330	44.90%	1,400	2,600	-7.14%	2,635	0.99	12,400	11,000	13,600
CHPG2012	1/18/2021	68	1:1	102,880	37.37%	6,100	12,420	-7.31%	5,358	2.32	32,600	26,500	31,300
CVJC2005	2/8/2021	89	10:1	549,150	30.15%	2,000	1,910	-7.73%	1,641	1.16	120,000	100,000	113,800
CVHM2007	2/8/2021	89	5:1	448,670	38.20%	2,900	1,650	-10.81%	1,396	1.18	89,500	75,000	76,600
CHPG2013	12/1/2020	20	1:1	315,200	37.37%	6,900	14,570	-15.24%	7,363	1.98	30,900	24,000	31,300
Tổng				9,176,670	37.46%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.
- CMSN2006 và CMWG2011 tăng mạnh lần lượt là 22.76% và 10.87%. Trái lại, CVRE2005 và CHPG2013 giảm mạnh lần lượt là -20.00% và -15.24%. Giá trị giao dịch giảm -5.63%. CHPG2013 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.98% thị trường.
- CVPB2006, CMSN2006, CVPB2009, CSTB2008, và CHPG2019 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.0	1.9%	1.2	2,125	7.1	8,517	12.7	3.2	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	71.9	-1.5%	1.2	704	5.4	4,592	15.7	3.3	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	53.3	-0.4%	1.5	1,720	1.7	1,731	30.8	2.0	28.5%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	29.0	0.0%	0.3	282	0.0	2,729	10.6	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	105.8	0.2%	0.8	15,559	4.7	2,660	39.8	4.2	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	26.5	-0.7%	1.1	2,618	7.0	1,001	26.5	2.1	29.8%	8.1%
VHM	Bất động sản	76.6	-1.0%	1.2	10,956	9.1	6,895	11.1	3.4	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	12.8	0.0%	1.4	287	3.1	(151)	N/A	N/A	1.0	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.5	-1.1%	1.3	457	3.7	1,834	9.5	1.1	49.7%	11.5%
VCI	Chứng khoán	41.4	2.2%	1.0	298	1.4	3,770	11.0	1.7	26.8%	15.9%
HCM	Chứng khoán	22.6	-0.7%	1.6	300	2.9	1,705	13.3	1.5	48.9%	11.8%
FPT	Công nghệ	53.0	0.0%	0.8	1,806	3.8	4,236	12.5	2.8	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	51.1	-0.8%	0.4	608	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.2	1.4%	1.4	6,091	5.1	4,752	15.4	3.0	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	48.9	0.0%	1.5	2,589	1.1	682	71.6	2.9	16.0%	4.3%
PVS	Dầu khí	15.0	4.9%	1.5	312	8.4	1,621	9.3	0.6	10.1%	6.3%
BSR	Dầu khí	7.0	1.4%	0.8	944	0.5	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	104.0	1.1%	0.5	591	0.0	5,405	19.2	4.1	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.4	-0.3%	0.4	296	2.1	2,011	8.7	0.8	12.2%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.4	-2.4%	0.5	284	2.8	872	14.2	1.0	3.8%	7.4%
VCB	Ngân hàng	84.9	-0.2%	1.1	13,691	3.8	4,630	18.3	3.4	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	39.4	0.0%	1.3	6,890	1.2	2,126	18.5	2.0	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	30.5	-0.3%	1.2	4,938	8.1	2,948	10.3	1.4	29.4%	14.0%
VPB	Ngân hàng	23.8	0.0%	1.2	2,517	5.5	4,111	5.8	1.2	23.2%	22.2%
MBB	Ngân hàng	18.3	0.8%	1.1	2,200	7.4	2,995	6.1	1.1	26.4%	20.0%
ACB	Ngân hàng	25.4	0.4%	0.9	2,387	5.0	3,109	8.2	1.7	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	55.2	-1.4%	0.8	196	0.9	6,186	8.9	1.9	80.8%	20.7%
NTP	Nhựa	32.8	-0.3%	0.4	168	0.1	3,820	8.6	1.4	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	15.9	-0.6%	0.4	684	0.1	356	44.7	1.3	1.7%	2.9%
HPG	Thép	31.3	0.0%	1.2	4,509	19.9	3,241	9.7	1.9	33.6%	21.3%
HSG	Thép	17.8	3.5%	1.5	344	12.4	2,591	6.9	1.2	10.5%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	107.5	0.0%	0.8	9,767	11.3	4,784	22.5	7.7	58.0%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	181.8	-0.1%	0.8	5,069	0.7	6,312	28.8	5.9	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	95.4	0.0%	1.1	4,872	8.3	2,067	46.2	5.5	34.3%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	15.8	0.0%	0.9	403	2.3	702	22.5	1.3	6.0%	5.5%
ACV	Vận tải	67.0	1.7%	0.8	6,342	1.3	3,450	19.4	4.0	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	113.8	0.4%	1.1	2,592	3.4	(1,528)	N/A	N/A	4.3	-5.6%
HVN	Vận tải	27.0	-1.8%	1.7	1,665	1.0	(7,345)	N/A	N/A	5.6	-83.7%
GMD	Vận tải	25.3	1.2%	0.9	326	1.2	1,179	21.4	1.3	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	14.4	1.1%	1.2	176	1.9	1,966	7.3	0.9	17.3%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.2	1.3%	1.0	514	1.5	8,260	9.2	3.2	2.9%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.1	0.0%	0.7	450	0.1	1,411	16.4	1.6	7.7%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	-0.3%	0.9	270	0.5	1,762	9.2	1.1	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	61.6	1.0%	1.0	204	2.9	7,504	8.2	0.6	46.4%	6.9%
CII	Xây dựng	17.1	2.4%	0.3	177	2.9	114	149.4	0.8	31.6%	0.5%
REE	Điện	42.4	0.1%	-1.4	571	0.4	4,599	9.2	1.2	49.0%	13.7%
PC1	Điện	24.5	0.6%	-0.4	170	0.2	2,689	9.1	1.0	14.2%	11.8%
POW	Điện	9.9	-1.0%	0.6	1,008	2.3	679	14.6	0.8	9.6%	5.8%
NT2	Điện	23.2	0.2%	0.6	290	0.3	2,103	11.0	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	14.0	-2.4%	0.8	286	0.8	879	15.9	0.7	18.0%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	39.2	-1%	1.0	1,764	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	16.30	3.16	0.56	5.18MLN
GAS	73.20	1.39	0.53	1.59MLN
MWG	108.00	1.89	0.25	1.51MLN
APH	80.20	6.93	0.19	566220
VIC	105.80	0.19	0.19	1.03MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.74	2.72MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.21	1.03MLN	607060
HVN	0.00	-0.20	875460.00	373600
VRE	0.00	-0.13	6.07MLN	192700
BHN	0.00	-0.12	110	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTN	36.70	7.00	0.02	152600.00
NKG	9.20	6.98	0.03	8.54MLN
VAF	9.82	6.97	0.01	20
APH	80.20	6.93	0.19	566220
PET	12.35	6.93	0.02	2.96MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	24.10	-6.95	0.00	500
SFI	24.20	-6.92	-0.01	19850
YBM	4.84	-6.92	0.00	19660.00
HRC	42.45	-6.91	-0.03	30
TLD	7.58	-6.88	-0.01	1.13MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

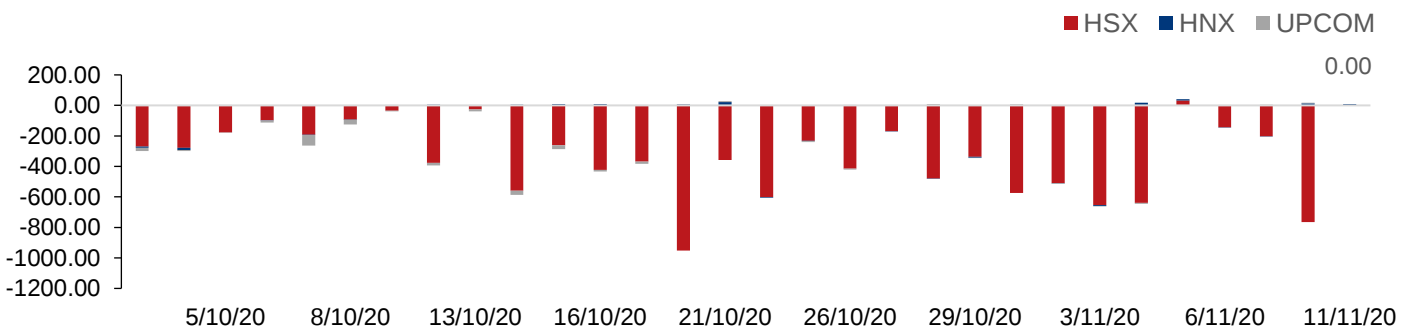
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.40	0.40	0.20	4.53MLN
PVS	15.00	4.90	0.17	13.13MLN
NVB	8.80	2.33	0.08	1.42MLN
VCS	76.20	1.33	0.03	454000.00
VIF	17.40	5.45	0.03	100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	13.40	-1.47	-0.04	1.94MLN
VIX	14.60	-2.01	-0.03	1.92MLN
OCH	7.80	-2.50	-0.02	2100
CEO	7.20	-1.37	-0.02	505100
S99	16.70	-1.76	-0.01	40900

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	1.10	10.0	0.00	161800
VXB	4.40	10.0	0.00	100
DC2	8.90	9.9	0.00	1000
MKV	19.10	9.8	0.00	100
KSD	4.50	9.8	0.00	26600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTT	33.10	-11.73	0.00	400
GLT	27.30	-9.90	-0.01	2900
HKT	6.60	-9.59	0.00	1000
GIC	15.20	-9.52	-0.01	50900
KTS	12.60	-9.35	-0.01	200

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	108.0	8,517	12.7	3.2	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.6	885	9.7	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.8	5,130	8.5	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	2,066	11.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	31.3	3,241	9.7	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.1	2,627	10.7	1.5	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.8	4,111	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.9	13,673	3.1	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	95.4	2,067	46.2	5.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	46.4	5,316	8.7	1.8	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	17.8	2,591	6.9	1.2	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.8	5,479	8.2	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.2	1,816	14.4	2.1	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	31.3	3,241	9.7	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.0	3,258	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	71.9	4,592	15.7	3.3	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.0	4,105	26.1	9.2	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	12.8	-151	#N/A N/A	1.0	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	24.5	1,928	12.7	1.5	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.8	6,870	3.6	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.1	4,752	5.7	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	65.5	5,241	12.5	2.7	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	84.9	4,630	18.3	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.4	3,109	8.2	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.8	5,130	8.5	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	61.9	3,674	16.8	2.7	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	53.0	4,236	12.5	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	25.3	1,179	21.4	1.3	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.0	879	15.9	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	181.8	6,312	28.8	5.9	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	2,066	11.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.5	4,784	22.5	7.7	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.3	1,412	8.0	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	108.0	8,517	12.7	3.2	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.4	1,918	10.6	1.5	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.0	5,405	19.2	4.1	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.4	1,966	7.3	0.9	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	71.9	4,592	15.7	3.3	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.7	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	246.4	14,782	16.7	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639